

Chuyên đề 19

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ, TÀI CHÍNH

I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

1. Kinh tế thị trường

a) Khái niệm về kinh tế thị trường

Kinh tế thị trường là nền kinh tế trong đó các vấn đề cơ bản là sản xuất cái gì, như thế nào, cho ai, được quyết định thông qua thị trường, các quan hệ kinh tế được thực hiện chủ yếu qua phương thức mua - bán.

Nói một cách đầy đủ hơn, kinh tế thị trường là phương thức vận hành kinh tế lấy thị trường làm trung tâm, lấy lợi ích kinh tế, cung cầu thị trường và phương thức mua bán làm cơ chế vận hành của nền kinh tế, phát huy tác dụng điều tiết của Nhà nước trong hoạt động kinh tế.

Nền kinh tế ở nước ta hiện nay là một nền kinh tế thị trường phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa có sự quản lý của Nhà nước.

b) Những đặc trưng cơ bản của nền kinh tế thị trường

Nền kinh tế thị trường có những đặc trưng cơ bản sau:

- Quá trình lưu thông hàng hóa được thực hiện chủ yếu bằng phương thức mua - bán với phạm vi ngày càng mở rộng từ quốc gia đến khu vực và trên phạm vi toàn thế giới. Sự lưu thông này bao gồm lưu thông hàng hóa trong kinh tế, sự chuyển dịch kết quả sản xuất từ khâu này đến khâu khác của quá trình tái mở rộng sản xuất của xã hội.

Sự luân chuyển hàng hóa có thể được thực hiện bằng nhiều cách: chu chuyển nội bộ, chu chuyển qua thương mại... Chỉ có sự luân chuyển hàng hóa theo phương thức mua - bán thì mới phát sinh kinh tế thị trường.

- Người trao đổi hàng hóa phải có quyền tự do khi tham gia thị trường. Họ có quyền tự do lựa chọn nội dung trao đổi; tự do lựa chọn đối tác; tự do thỏa thuận giá cả theo hướng thuận mua, vừa bán.

- Hoạt động mua bán phải được thực hiện thường xuyên, ổn định trên cơ sở một kết cấu hạ tầng tối thiểu đủ để việc mua bán diễn ra thuận lợi, an toàn.

- Các đối tác hoạt động trong nền kinh tế thị trường đều theo đuổi lợi ích riêng của mình. Lợi ích cá nhân là động lực trực tiếp của sự phát triển kinh tế.

- Tự do cạnh tranh là thuộc tính của nền kinh tế thị trường, là động lực thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ, có lợi cho cả người sản xuất và người tiêu dùng.

- Sự vận động của các quy luật khách quan của kinh tế thị trường tác động vào hành vi, thái độ ứng xử của các chủ thể tham gia thị trường, nhờ đó hình thành một trật tự nhất định của thị trường từ sản xuất, lưu thông, phân phối đến tiêu dùng.

Những đặc trưng trên đây được coi là những đặc trưng chung của bất cứ loại hình kinh tế thị trường nào. Ngày nay, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của sức sản xuất trong từng quốc gia và sự hội nhập kinh tế quốc tế đã tạo điều kiện và khả năng to lớn để phát triển nền kinh tế thị trường hiện đại.

Nền kinh tế thị trường hiện đại là nền kinh tế có đầy đủ các đặc trưng trên, đồng thời nó còn có các đặc trưng sau đây:

- Đã có sự xích lại gần nhau giữa các mục tiêu kinh tế và các mục tiêu xã hội.

- Nền kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Nhà nước dựa vào quy luật vận hành của kinh tế thị trường, thực hiện việc điều chỉnh và khống chế vĩ mô cần thiết, hữu hiệu, hướng dẫn sự phát triển của kinh tế thị trường.

- Có sự chi phối mạnh mẽ của phân công và hợp tác quốc tế, tạo ra một nền kinh tế thị trường mở, vượt ra khỏi biên giới quốc gia, tham gia vào quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

2. Sự cần thiết khách quan của quản lý nhà nước đối với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

a) Khái niệm quản lý nhà nước về kinh tế

Quản lý nhà nước về kinh tế là sự tác động có tổ chức, bằng pháp luật và thông qua hệ thống các chính sách với các công cụ quản lý kinh tế lên nền kinh tế nhằm đạt được mục tiêu phát triển kinh tế đất nước, trên cơ sở sử dụng có hiệu quả các nguồn lực trong và ngoài nước trong điều kiện mở cửa và hội nhập kinh tế quốc tế.

Quản lý nhà nước về kinh tế là một dạng quản lý xã hội của Nhà nước. Nó rất quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, nhưng cũng rất phức tạp. Nhà nước quản lý toàn bộ nền kinh tế quốc dân trên tất cả các ngành

kinh tế, các lãnh thổ kinh tế, các thành phần kinh tế và các chủ thể kinh tế hoạt động trong toàn bộ nền kinh tế.

Nhà nước quản lý toàn bộ nền kinh tế quốc dân không chỉ trên phạm vi quốc gia mà còn cả một số hoạt động kinh tế đối ngoại diễn ra ở nước ngoài, như các doanh nghiệp có vốn đầu tư ở nước ngoài, các hàng hóa xuất nhập khẩu từ nước ngoài, thậm chí các công nghệ thiết bị nhập khẩu.

Quản lý nhà nước về kinh tế là quản lý ở tầm vĩ mô, giải quyết những quan hệ vĩ mô có liên quan đến toàn bộ nền kinh tế quốc dân, trong đó kinh tế nhà nước đóng vai trò chủ đạo. Nhà nước không can thiệp, không giải quyết những vấn đề quản lý sản xuất kinh doanh của các chủ thể kinh tế hoạt động trong nền kinh tế thị trường (cá nhân, doanh nghiệp, các tập đoàn kinh tế...).

Trong quản lý nhà nước về kinh tế, Nhà nước sử dụng hệ thống các công cụ cần thiết để thực hiện chức năng quản lý của mình như công cụ định hướng (kế hoạch, quy hoạch, chiến lược phát triển kinh tế ...), công cụ kinh tế, tài chính tiền tệ (chính sách đầu tư, thuế, chi tiêu ngân sách, hệ thống ngân hàng, lãi suất, tín dụng...), công cụ pháp lý (pháp luật, các văn bản pháp quy...), các công cụ tổ chức và giáo dục...

Trước thời kỳ đổi mới kinh tế, Nhà nước ta quản lý nền kinh tế bằng cơ chế kế hoạch hóa tập trung mang nặng tính hành chính, quan liêu, bao cấp. Cơ chế quản lý kinh tế này dựa vào mệnh lệnh từ trên xuống và dựa vào quan hệ hành chính tổ chức trực tiếp gắn liền với quan hệ kinh tế cấp phát - giao nộp. Quản lý nhà nước về kinh tế được thực hiện bằng phương pháp hành chính đơn thuần thay cho phương pháp kinh tế và giáo dục. Nhà nước đã bao cấp mọi hoạt động kinh tế bằng ngân sách của Nhà nước. Cơ chế quản lý này đã đưa đến sự thụ động, trông chờ, không cần tính toán hiệu quả, phục tùng triệt để những quy định xơ cứng của cấp trên, thủ tiêu tính chủ động, sáng tạo của cấp dưới, của các chủ thể kinh tế.

Đại hội VI Đảng Cộng sản Việt Nam (năm 1986) đã chủ trương phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần và đổi mới cơ chế quản lý kinh tế dựa trên việc sử dụng phương pháp quản lý bằng kinh tế là chủ yếu. Các đại hội tiếp theo của Đảng tiếp tục cụ thể hóa đường lối phát triển kinh tế trên, chủ trương phát triển nền kinh tế nước ta theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước

theo định hướng XHCN. Quản lý nhà nước về kinh tế căn bản được đổi mới về chức năng, nội dung và phương thức quản lý.

Trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội 2011-2020 (Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI) đã nêu rõ tiếp tục phát huy quyền tự do kinh doanh theo pháp luật của mọi công dân để làm giàu cho bản thân và đóng góp cho xã hội. Mọi thành phần kinh tế, các chủ thể tham gia thị trường đều được coi trọng, cùng phát triển lâu dài, hợp tác, cạnh tranh bình đẳng, lành mạnh và văn minh, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo.

b) Sự cần thiết của quản lý nhà nước đối với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

Quản lý nhà nước đối với nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là sự cần thiết khách quan, vì những lý do sau đây:

Thứ nhất, Nhà nước phải khắc phục những hạn chế của kinh tế thị trường, nhằm bảo đảm thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đã đề ra.

Sự điều tiết của thị trường đối với sự phát triển kinh tế thật kỳ diệu nhưng vẫn có những hạn chế vốn có của nó. Thị trường không phải là nơi có thể đạt được sự hài hòa trong việc phân phối thu nhập xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống xã hội, phát triển kinh tế - xã hội hài hòa giữa các vùng... Đồng thời, kinh tế thị trường cũng không thể khắc phục những nhược điểm, mặt trái vốn có của nó. Những điều này cản trở việc thực hiện những mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội mà Đảng và Nhà nước ta đã đề ra. Cho nên trong quá trình vận hành nền kinh tế, sự quản lý nhà nước đối với kinh tế thị trường theo định hướng XHCN là cần thiết để khắc phục những hạn chế, bổ sung chỗ hỏng của sự điều tiết của thị trường, đảm bảo mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

Thứ hai, bằng các chính sách, pháp luật và sức mạnh kinh tế của mình, Nhà nước giải quyết những mâu thuẫn về lợi ích kinh tế phổ biến, thường xuyên trong nền kinh tế quốc dân.

Trong quá trình hoạt động kinh tế, con người có mối quan hệ với nhau. Lợi ích kinh tế là biểu hiện cụ thể của mối quan hệ đó. Trong nền kinh tế thị trường, mọi đối tác đều hướng tới lợi ích kinh tế riêng của mình và xảy ra sự tranh giành về lợi ích, phát sinh những mâu thuẫn về lợi ích.

Những mâu thuẫn này có tính phổ biến, thường xuyên vì liên quan đến quyền lợi cá nhân, đến sự ổn định kinh tế - xã hội. Chỉ có Nhà nước mới có thể giải quyết được các mâu thuẫn đó và điều hòa lợi ích của các bên liên quan.

Thứ ba, xuất phát từ tính khó khăn, phức tạp của việc làm kinh tế.

Làm kinh tế, nhất là làm giàu phải có ít nhất các điều kiện: ý chí làm giàu, tri thức làm giàu, phương tiện sản xuất kinh doanh và môi trường kinh doanh. Không phải công dân nào cũng có đủ các điều kiện trên để tiến hành làm kinh tế. Sự can thiệp của nhà nước là rất cần thiết trong việc hỗ trợ công dân có những điều kiện cần thiết để làm kinh tế.

Thứ tư, xuất phát bản chất giai cấp của nhà nước, hài hòa lợi ích của các tầng lớp dân cư.

Nhà nước XHCN Việt Nam đại diện cho lợi ích của dân tộc và nhân dân lao động. Nhà nước của ta là nhà nước của dân, do dân và vì dân; mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội do Nhà nước ta xác định là nhằm đem lại lợi ích vật chất và tinh thần cho nhân dân. Tuy vậy, trong nền kinh tế nhiều thành phần, mở cửa với nước ngoài, không phải lúc nào lợi ích kinh tế của các bên cũng luôn luôn được thống nhất. Vì vậy, xuất hiện xu hướng vừa hợp tác vừa đấu tranh trong quá trình hoạt động kinh tế trên các mặt quan hệ sở hữu, quan hệ quản lý, quan hệ phân phối.

Trong cuộc đấu tranh trên mặt trận kinh tế, Nhà nước ta phải thể hiện bản chất giai cấp của mình để bảo vệ lợi ích của dân tộc và của nhân dân. Chỉ có Nhà nước mới có thể làm được điều đó.

Bốn lý do chủ yếu trên đây chính là sự cần thiết khách quan của quản lý nhà nước đối với nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam hiện nay.

3. Một số chính sách quản lý kinh tế chủ yếu của Nhà nước

a) Chính sách tài khóa

Theo cách hiểu chung nhất, chính sách tài khóa (chính sách tài chính) là hệ thống các quan điểm, nguyên tắc xử lý của Nhà nước đối với các quan hệ tài chính quốc gia thông qua việc sử dụng các công cụ tài chính, cụ thể là thuế và chi tiêu ngân sách. Trong kinh tế vĩ mô, chính sách tài khóa là việc Chính phủ sử dụng thuế khóa và chi tiêu công cộng để điều tiết mức chi tiêu chung của nền kinh tế, đưa nền kinh tế về mức sản lượng tiềm năng.

Về nguyên tắc, Chính phủ sử dụng chính sách tài khóa nhằm duy trì tổng cung của toàn xã hội luôn tương ứng hoặc xấp xỉ sản lượng tiềm năng của nền kinh tế, thông qua đó có thể loại bỏ được hiện tượng suy thoái hoặc tăng trưởng quá nóng của nền kinh tế, đảm bảo sự phát triển ổn định và bền vững.

Mục tiêu của chính sách tài khóa là nhằm đảm bảo tăng trưởng ổn định, bền vững. Trên thực tế, bằng chính sách tài khóa không chỉ thúc đẩy tăng trưởng mà còn chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao năng lực sản xuất, duy trì ổn định nền kinh tế.

Hai công cụ chủ yếu của chính sách tài khóa là chi tiêu của Chính phủ và chính sách thuế.

- Chi tiêu của Chính phủ là từ ngân sách: Đó là quỹ tiền tệ quốc gia, dùng để chi tiêu cho toàn bộ hoạt động chung hàng năm, do Chính phủ quản lý và sử dụng theo luật (Luật Ngân sách nhà nước) và kế hoạch phê chuẩn. Chỉ trên cơ sở luật định, Chính phủ mới được chi tiêu. Song trong khuôn khổ luật định về các khoản chi, hạn mức chi, Chính phủ còn có một khoảng tự do nhất định trong chi tiêu ngân sách nhà nước. Chính ở góc độ này, Chính phủ cần và có thể phát huy tác dụng điều tiết vĩ mô nền kinh tế quốc dân.

- Chính sách thuế: thuế là nguồn thu chủ yếu của ngân sách và đồng thời cũng là công cụ để Nhà nước điều tiết vĩ mô nền kinh tế và cả những quan hệ ngoài kinh tế khác.

Khi nền kinh tế ở trạng thái suy thoái, tỷ lệ thất nghiệp cao, tổng cầu giảm, các doanh nghiệp giảm đầu tư, dân cư giảm tiêu dùng. Nhà nước giảm thuế cho dân, nhờ đó làm tăng thu nhập khả dụng, doanh nghiệp tăng đầu tư, dân cư tăng tiêu dùng, tổng cầu tăng thúc đẩy cung, kinh tế sẽ ra khỏi suy thoái. Khi nền kinh tế ở trạng thái tăng trưởng nóng, cầu tăng hơn cung, Nhà nước có thể tăng thuế để hạn chế mức tiêu dùng của toàn xã hội. Khi đó, giá sẽ hạ, cung sẽ giảm, nền kinh tế trở lại mức tăng trưởng ổn định.

b) Chính sách tiền tệ

Chính sách tiền tệ là hệ thống các quan điểm, nguyên tắc do Nhà nước đề ra để chỉ đạo việc xây dựng các giải pháp tiền tệ nhằm ổn định nền kinh tế quốc dân.

Theo lý thuyết Keynes, điều tiết khối lượng tiền tệ là một trong những công cụ cơ bản để điều tiết nền kinh tế. Điều tiết khối lượng tiền tệ ảnh hưởng lớn đến ổn định giá cả và lãi suất.

Có thể mô tả sơ lược sự vận hành và tác động của chính sách tiền tệ như sau: việc tăng hay giảm cung về tiền tệ đều do Ngân hàng Trung ương quyết định. Trường hợp cung về tiền tệ tăng lên, kết quả đầu tiên là lãi suất giảm xuống; lãi suất giảm xuống sẽ làm gia tăng các khoản chi tiêu bao gồm chi cho đầu tư, tiêu dùng và xuất khẩu, qua đó tổng cầu tăng lên sẽ làm gia tăng sản lượng và việc làm.

Ngược lại, khi nền kinh tế phát triển quá nóng, cung về tiền tệ phải giảm đi, lãi suất trên thị trường tiền tệ tăng lên, từ đó làm giảm chi tiêu của nền kinh tế, tổng cầu giảm, nền kinh tế thoát ra khỏi tình trạng phát triển nóng.

Hình thành đồng bộ khuôn khổ pháp lý về hoạt động ngân hàng. Tăng cường vai trò của Ngân hàng Nhà nước trong việc hoạch định và thực thi chính sách tiền tệ. Kết hợp chặt chẽ chính sách tiền tệ với chính sách tài khoá. Kiện toàn công tác thanh tra, giám sát hoạt động tài chính, tiền tệ. Ngân hàng Trung ương có thể thực hiện điều tiết cung về tiền tệ thông qua ba công cụ chủ yếu: lãi suất chiết khấu, dự trữ bắt buộc và thị trường mở.

Chính sách tiền tệ có tác động quan trọng đến tăng trưởng sản lượng về mặt ngắn hạn, song do tác động đến đầu tư nên nó cũng có ảnh hưởng đến sản lượng tiềm năng về mặt dài hạn vì thế chính sách tiền tệ phải chủ động và linh hoạt thúc đẩy tăng trưởng bền vững, kiểm soát lạm phát, ổn định giá trị đồng tiền.

c) Chính sách thu nhập

Chính sách thu nhập là hệ thống các quan điểm, nguyên tắc do Nhà nước đề ra để xử lý mối quan hệ về việc làm và thu nhập. Về nguyên tắc, chính sách thu nhập phải bao quát toàn bộ lao động xã hội. Trọng tâm của chính sách thu nhập là khuyến khích, tạo thuận lợi cho việc sử dụng nhiều lao động, tạo thêm nhiều công ăn việc làm mới, tăng thêm chất lượng và tính ổn định của công việc, khuyến khích thay đổi cơ cấu lao động xã hội và nâng cao trình độ lao động.

Chính sách thu nhập bao gồm các công cụ từ các quy định về tiền lương như mức lương tối thiểu, chỉ số hóa tiền lương, về thuế thu nhập cho đến các khoản trợ cấp xã hội.

Độ linh hoạt của môi trường lao động phụ thuộc nhiều vào các chế độ về thu nhập và tiền lương. Để thị trường lao động phát triển bình thường, xu thế chung là Nhà nước giảm thiểu vai trò áp đặt các quy định trực tiếp về lương,

tăng cường quyền tự chủ của hai bên chủ - thợ. Nhà nước chỉ tạo khuôn khổ pháp lý về bảo hộ lao động, cưỡng chế thực hiện hợp đồng và cung cấp thông tin kinh tế, chính sách kinh tế cho các bên đàm phán. Mặt khác ở các nước phát triển, Chính phủ rất quan tâm xây dựng và vận hành có hiệu quả hệ thống bảo hiểm xã hội, trợ cấp thất nghiệp và cứu tế xã hội là vì các yếu tố này cũng góp phần nhất định vào duy trì tăng trưởng và ổn định kinh tế.

d) Chính sách kinh tế đối ngoại

Chính sách kinh tế đối ngoại trong nền kinh tế mở thường được hiểu là hệ thống các quan điểm, nguyên tắc của Nhà nước nhằm mục tiêu giữ cho thâm hụt cán cân thanh toán ở trong tình trạng có thể chấp nhận được.

Chính sách này bao gồm các biện pháp giữ cho thị trường hối đoái cân bằng, ổn định tỷ giá hối đoái, các quy định về hàng rào thuế quan, bảo hộ mậu dịch và cả những biện pháp tài chính và tiền tệ khác tác động vào hoạt động xuất và nhập khẩu.

Tỷ giá hối đoái thông thường được hiểu là số lượng đơn vị nội tệ cần thiết để mua một đơn vị ngoại tệ. Tỷ giá hối đoái là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến cán cân thương mại vì nó tác động đến khả năng cạnh tranh của các sản phẩm trên thị trường quốc tế. Một khi giá cả sản phẩm nội địa giảm tương đối so với sản phẩm cùng loại trên thị trường quốc tế thì khả năng cạnh tranh tăng lên, xuất khẩu do đó có xu hướng tăng lên, và ngược lại. Trên thực tế, tỷ giá còn có tác động mạnh đến rất nhiều đến kinh tế vĩ mô như lạm phát, xuất khẩu, nhập khẩu, lượng cung tiền tệ, hiệu quả của các chính sách tài khoá, tiền tệ đã nói ở trên.

II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CÔNG

1. Khái niệm tài chính và tài chính công

a) Khái niệm tài chính

Tài chính ra đời và tồn tại trong những điều kiện lịch sử và kinh tế - xã hội nhất định. Khi xã hội bắt đầu có sự phân công lao động, sự chiếm hữu khác nhau về tư liệu sản xuất, về sản phẩm kinh doanh, thì nền sản xuất hàng hóa ra đời. Tiền tệ xuất hiện như một tất yếu khách quan và là môi giới trung gian giúp cho việc trao đổi hàng hóa được tiến hành một cách dễ dàng. Tiền tệ trở thành phương tiện trao đổi và phương tiện tích lũy trong quá trình phân phối sản phẩm xã hội. Các quỹ tiền tệ cũng được hình thành nhằm mục đích tiêu dùng và đầu tư

phát triển kinh tế - xã hội. Các quỹ tiền tệ này được tạo lập và sử dụng bởi các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội hay cá nhân. Các quan hệ kinh tế này đã làm nảy sinh khái niệm tài chính.

Sự xuất hiện chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất gắn liền với sự phân chia giai cấp và sự xuất hiện của Nhà nước. Với chức năng và quyền lực của mình, Nhà nước đã tạo điều kiện thuận lợi cho kinh tế hàng hóa phát triển, mở rộng phạm vi hoạt động của tài chính. Đồng thời, để duy trì hoạt động của mình, Nhà nước cũng tạo lập quỹ ngân sách để chi tiêu cho các hoạt động của mình. Thông qua ngân sách nhà nước, Nhà nước tác động vào quá trình phân phối tổng sản phẩm xã hội và hình thành lĩnh vực tài chính nhà nước. Như vậy, Nhà nước ra đời làm cho hoạt động tài chính ngày càng phát triển hơn.

Từ đó có thể thấy các tiền đề khách quan quyết định sự ra đời và tồn tại của tài chính là sản xuất hàng hóa - tiền tệ và sự xuất hiện Nhà nước, trong đó sản xuất hàng hóa - tiền tệ là nhân tố mang tính chất khách quan, có ý nghĩa quyết định đối với sự ra đời và tồn tại của tài chính; còn Nhà nước là nhân tố có ý nghĩa định hướng, tạo hành lang và điều tiết sự phát triển của tài chính.

Bản chất của tài chính:

Các nguồn tài chính trong xã hội luôn vận động một cách liên tục trong mối quan hệ phức tạp và đa dạng giữa các chủ thể trong xã hội. Thông qua các biểu hiện nói trên, tài chính thể hiện và phản ánh các quan hệ kinh tế giữa các chủ thể trong quá trình phân phối của cải xã hội dưới hình thái giá trị.

Từ đó có thể thấy bản chất của tài chính như sau: Tài chính phản ánh hệ thống các mối quan hệ kinh tế nảy sinh trong quá trình phân phối các nguồn tài chính thông qua việc tạo lập và sử dụng các quỹ tiền tệ nhằm đáp ứng các nhu cầu khác nhau của các chủ thể trong xã hội.

b) Khái niệm tài chính công

Tài chính công là một bộ phận hợp thành của nền tài chính quốc gia. Sự ra đời và phát triển của tài chính công gắn liền với sự ra đời và phát triển của Nhà nước.

Tài chính công là một phạm trù kinh tế gắn với thu nhập và chi tiêu của Nhà nước. Tài chính công vừa là nguồn lực để Nhà nước thực hiện các chức năng vốn có của mình, vừa là công cụ để Nhà nước chi phối, điều chỉnh các hoạt

động của xã hội. Tài chính công là công cụ quan trọng của Nhà nước để thực hiện những nhiệm vụ phát triển kinh tế, chính trị, xã hội của đất nước.

Xuất phát từ tầm quan trọng đó, sự tồn tại và phát triển của tài chính công là một đòi hỏi khách quan và hết sức cần thiết.

Tài chính công có một số đặc điểm cơ bản sau:

- Nhà nước là chủ thể sở hữu và quản lý tài chính, nên quyền quyết định các khoản thu chi trong tài chính công thuộc về Nhà nước hoặc các cơ quan công quyền do Nhà nước ủy quyền.

- Các quan hệ kinh tế trong phân phối tài chính công gắn liền với quá trình hình thành và sử dụng các quỹ tiền tệ tập trung của chính quyền trung ương, các cấp chính quyền địa phương và các tổ chức, đơn vị của Nhà nước.

- Tài chính công hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận mà chủ yếu phục vụ lợi ích cộng đồng. Vì vậy một số bộ phận của tài chính nhà nước như doanh nghiệp nhà nước, các ngân hàng thương mại... hoạt động vì mục đích kinh doanh và lợi nhuận không nằm trong phạm vi tài chính công. Đây là điểm khác biệt cơ bản tạo nên sự không đồng nhất giữa tài chính công và tài chính nhà nước.

Tài chính công phục vụ nhiệm vụ chính trị của Nhà nước trong từng giai đoạn lịch sử nhất định. Do đó, trong mỗi giai đoạn, tài chính công có các nhiệm vụ cụ thể khác nhau.

- Tài chính công tạo ra môi trường bình đẳng cho mọi công dân về thụ hưởng các hàng hóa và dịch vụ được cung cấp bằng nguồn lực tài chính công.

Từ những đặc điểm trên, ta có thể thấy:

Tài chính công là các hoạt động thu và chi bằng tiền của Nhà nước, phản ánh hệ thống các quan hệ kinh tế dưới hình thái giá trị trong quá trình hình thành và sử dụng các quỹ tiền tệ của Nhà nước nhằm phục vụ cho việc thực hiện các chức năng vốn có của Nhà nước đối với xã hội.

Cơ cấu tài chính công bao gồm:

- Ngân sách nhà nước (Trung ương và địa phương).
- Tài chính của các cơ quan hành chính nhà nước.
- Tài chính của các đơn vị sự nghiệp nhà nước.

- Tài chính phục vụ hoạt động công ích do Nhà nước tài trợ (các doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích).

- Các quỹ tài chính ngoài ngân sách của Nhà nước.

2. Chức năng, vai trò của tài chính công

a) Chức năng của tài chính công

Chức năng của tài chính công là các thuộc tính khách quan vốn có, là khả năng bên trong thể hiện tác dụng xã hội của tài chính.

Tài chính nói chung có hai chức năng cơ bản là chức năng phân phối và chức năng kiểm tra, giám sát. Tài chính công là một bộ phận cấu thành quan trọng của tài chính, có nét đặc thù là gắn với thu nhập và chi tiêu của Chính phủ. Do đó, các chức năng của tài chính công cũng xuất phát từ hai chức năng của tài chính, đồng thời có mở rộng thêm căn cứ vào nét đặc thù của tài chính công. Có thể nêu lên ba chức năng của tài chính công là:

- Chức năng tạo lập vốn

Trong nền kinh tế thị trường, vốn tiền tệ là điều kiện và tiền đề cho mọi hoạt động kinh tế - xã hội. Bất kỳ một khâu tài chính nào về thực chất cũng có chức năng tạo lập vốn. Thực ra, chức năng tạo lập vốn là một khâu tất yếu của quá trình phân phối, nên khi nói về chức năng của tài chính nói chung, người ta thường không tách riêng ra thành một chức năng. Tuy nhiên, đối với tài chính công, vấn đề tạo lập vốn có sự khác biệt với việc tạo lập vốn của các khâu tài chính khác, nó giữ một vai trò quan trọng và có ý nghĩa quyết định đối với toàn bộ quá trình phân phối.

Chủ thể của quá trình tạo lập vốn là Nhà nước. Đối tượng của quá trình này là các nguồn tài chính trong xã hội do Nhà nước tham gia điều tiết. Đặc thù của chức năng tạo lập vốn của tài chính công là quá trình này gắn với quyền lực chính trị của Nhà nước. Nhà nước sử dụng quyền lực chính trị của mình hình thành các quỹ tiền tệ thông qua việc thu các khoản có tính bắt buộc từ các chủ thể tham gia quá trình kinh tế - xã hội.

- Chức năng phân phối

Chủ thể phân phối là Nhà nước với tư cách là người nắm giữ quyền lực nhà nước. Đối tượng phân phối là các nguồn tài chính công tập trung trong ngân

sách nhà nước và các quỹ tiền tệ khác của Nhà nước, cũng như thu nhập của các pháp nhân và thể nhân trong xã hội mà Nhà nước tham gia điều tiết.

Thông qua chức năng phân phối, tài chính công thực hiện việc phân chia nguồn lực tài chính công giữa các chủ thể thuộc Nhà nước, các chủ thể tham gia vào các quan hệ kinh tế với Nhà nước. Chức năng phân phối tài chính công nhằm mục tiêu công bằng xã hội. Tài chính công, đặc biệt là ngân sách nhà nước được sử dụng làm công cụ để điều chỉnh thu nhập của các chủ thể trong xã hội thông qua thuế và chi tiêu công.

- Chức năng kiểm tra, giám sát

Với tư cách là một công cụ quản lý của Nhà nước, Nhà nước vận dụng chức năng kiểm tra, giám sát của tài chính công để kiểm tra bằng đồng tiền đối với quá trình vận động của các nguồn tài chính và điều chỉnh quá trình đó theo các mục tiêu mà Nhà nước đề ra. Chủ thể của quá trình kiểm tra, giám sát là Nhà nước. Đối tượng của kiểm tra, giám sát là quá trình vận động của các nguồn tài chính công trong sự hình thành và sử dụng các quỹ tiền tệ.

Kiểm tra, giám sát bằng đồng tiền là vai trò khách quan của tài chính nói chung. Tài chính công cũng thực hiện kiểm tra, giám sát bằng đồng tiền với mọi sự vận động của các nguồn tài chính công, thông qua đó biểu hiện các hoạt động của các chủ thể thuộc Nhà nước. Còn chức năng điều chỉnh của tài chính công được thực hiện trên cơ sở các kết quả của kiểm tra, giám sát, là sự tác động theo ý chí của Nhà nước nhằm điều chỉnh các bất hợp lý trong quá trình hình thành và sử dụng các quỹ tiền tệ thuộc tài chính công.

b) Vai trò của tài chính công

Tài chính công có các vai trò sau:

- Huy động nguồn lực tài chính đáp ứng nhu cầu chi tiêu của Nhà nước

Bất cứ một Nhà nước nào cũng cần có các nguồn lực tài chính để duy trì bộ máy nhà nước và phục vụ cho công việc quản lý vĩ mô nền kinh tế. Các nguồn tài chính này có thể được huy động từ mọi lĩnh vực, mọi thành phần kinh tế trong xã hội dưới nhiều hình thức, biện pháp khác nhau.

Một trong những hình thức huy động nguồn vốn chủ yếu của Nhà nước hiện nay là thuế. Các khoản thuế này là một phần thu nhập của các cá nhân, tổ chức có nghĩa vụ đóng góp theo luật định, được tập trung vào ngân sách nhà

nước để đáp ứng các nhu cầu chi tiêu của Nhà nước theo các mục tiêu đã định đối với từng giai đoạn, từng thời kỳ phát triển. Đây là vai trò mang tính lịch sử của tài chính công gắn liền với sự ra đời của Nhà nước. Tài chính công phải thực hiện vai trò này trong bất kỳ chế độ xã hội và cơ chế kinh tế nào.

- Đảm bảo sự tăng trưởng kinh tế ổn định và bền vững

Nhà nước có vai trò đảm bảo cho nền kinh tế tăng trưởng ổn định, bền vững và tạo động lực cho sự phát triển. Chức năng phân bổ của tài chính công được sử dụng một cách hữu hiệu để thực hiện vai trò này trong quá trình quản lý vĩ mô về kinh tế - xã hội của Nhà nước.

Thông qua chức năng phân bổ tài chính, các nguồn lực của Nhà nước được phân bổ một cách cân đối, hợp lý, hiệu quả đối với mọi lĩnh vực, mọi thành phần kinh tế trong xã hội nhằm thực hiện sự bình đẳng và tập trung vào những ngành kinh tế mũi nhọn, trọng điểm... để tạo cơ hội cho sự tăng trưởng kinh tế.

- Đảm bảo công bằng xã hội

Tài chính công có khả năng thực hiện vai trò đảm bảo sự công bằng trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Việc đảm bảo công bằng xã hội được thực hiện bằng chức năng phân phối của tài chính công thông qua hai công cụ là thuế và chi tiêu công.

Công cụ thuế được sử dụng để phân phối lại thu nhập, rút ngắn khoảng cách chênh lệch giàu nghèo giữa các tầng lớp dân cư trong xã hội bằng cách đánh thuế cao đối với những người có thu nhập cao hay những mặt hàng xa xỉ mà chỉ những người có thu nhập cao mới có khả năng sử dụng để điều tiết bớt thu nhập của họ. Bên cạnh đó, giảm thuế cho những người có thu nhập thấp hay những mặt hàng thiết yếu cung cấp chủ yếu cho những người có thu nhập thấp là một giải pháp hữu hiệu nhằm hỗ trợ thu nhập cho họ.

Từ các quỹ tiền tệ thuộc quyền sở hữu Nhà nước như ngân sách Nhà nước, các quỹ bảo hiểm xã hội, quỹ quốc gia giải quyết việc làm... chính sách chi tiêu công được sử dụng để hỗ trợ cho những người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, những người không có việc làm, hay chi phát triển các dịch vụ công phục vụ lợi ích cộng đồng không vì mục tiêu lợi nhuận để đảm bảo sự công bằng trong hưởng thụ cho mọi người dân.

Có thể nói, thông qua việc thực hiện các chức năng của mình, tài chính công có vai trò quan trọng và chủ đạo giúp Nhà nước duy trì sự hoạt động và thực hiện các chức năng kinh tế - xã hội mà Nhà nước đảm nhận.

3. Quản lý tài chính trong các cơ quan hành chính

a) Quản lý chu trình ngân sách nhà nước trong cơ quan hành chính

Việc quản lý ngân sách nhà nước trong các cơ quan hành chính đòi hỏi phải được tuân theo một chu trình nhất định. Đó là toàn bộ hoạt động của ngân sách từ khi bắt đầu hình thành đến khi kết thúc, chuyển sang ngân sách mới. Chu trình ngân sách bao gồm các khâu: lập dự toán ngân sách, chấp hành ngân sách, quyết toán ngân sách.

Trung tâm của một chu trình ngân sách là việc tổ chức thực hiện dự toán ngân sách. Giai đoạn này được gọi là chấp hành ngân sách. Khoảng thời gian chấp hành ngân sách nói chung trùng với năm ngân sách. Để có được dự toán ngân sách cho từng năm đòi hỏi phải có khâu lập ngân sách. Khâu này phải được thực hiện trước khi năm ngân sách bắt đầu. Sau khi năm ngân sách kết thúc phải có công tác tổng kết, đánh giá tình hình chấp hành ngân sách. Khâu này được gọi là quyết toán ngân sách.

Thời gian của một chu trình ngân sách dài hơn thời gian của một năm ngân sách, vì năm ngân sách trùng với khâu chấp hành ngân sách, trong khi khâu lập ngân sách được thực hiện ở năm ngân sách trước, còn khâu quyết toán được thực hiện ở năm ngân sách sau.

Xét về mặt nội dung thì trong một năm ngân sách đồng thời diễn ra cả hai khâu, đó là, chấp hành ngân sách của chu trình hiện tại, quyết toán ngân sách của chu trình trước, lập dự toán ngân sách của chu trình tiếp theo.

b) Đổi mới cơ chế tài chính đối với cơ quan hành chính

Đổi mới cơ chế quản lý tài chính đối với cơ quan hành chính nhà nước theo chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm được triển khai rộng rãi đối với tất cả các cơ quan hành chính nhà nước theo quy định của Chính phủ. Mục tiêu của cơ chế này là:

- Tạo điều kiện cho các cơ quan chủ động trong việc sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính một cách hợp lý nhất để hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Thúc đẩy việc sắp xếp, tổ chức bộ máy tinh gọn, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong việc sử dụng lao động, kinh phí quản lý hành chính.

- Nâng cao hiệu suất lao động, hiệu quả sử dụng kinh phí quản lý hành chính, tăng thu nhập cho cán bộ, công chức.

- Thực hiện quyền tự chủ gắn với trách nhiệm của thủ trưởng đơn vị và cán bộ, công chức trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật.

Nội dung chế độ tự chủ về tài chính đối với cơ quan hành chính:

- Đối với phần kinh phí được giao tự chủ: Trong phạm vi kinh phí được giao, Thủ trưởng cơ quan có quyền hạn và trách nhiệm:

+ Chủ động bố trí, sử dụng kinh phí theo các nội dung, yêu cầu công việc được giao cho phù hợp để hoàn thành nhiệm vụ, bảo đảm tiết kiệm và có hiệu quả.

+ Được quyết định mức chi cho từng nội dung công việc (trên cơ sở xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ) phù hợp với đặc thù của cơ quan, nhưng không được vượt quá chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi hiện hành do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

+ Được chuyển phần kinh phí được giao tự chủ cuối năm chưa sử dụng hết sang năm sau tiếp tục sử dụng.

- Đối với kinh phí quản lý hành chính tiết kiệm được: Kết thúc năm ngân sách, sau khi đã hoàn thành các nhiệm vụ được giao, nếu cơ quan có số chi thực tế thấp hơn dự toán kinh phí quản lý hành chính được giao thực hiện tự chủ thì phần chênh lệch này được xác định là kinh phí quản lý hành chính tiết kiệm được. Kinh phí tiết kiệm được sử dụng như sau:

+ Bổ sung thu nhập cho CBCC. Cơ quan được áp dụng hệ số tăng thêm quỹ tiền lương tối đa không quá một lần so với mức tiền lương cấp bậc, chức vụ do Nhà nước quy định để chi trả thu nhập tăng thêm cho CBCC. Trên cơ sở tổng quỹ tiền lương, cơ quan quyết định phương án chi trả thu nhập tăng thêm cho từng người hoặc từng bộ phận trực thuộc theo nguyên tắc gắn với hiệu quả, kết quả công việc của từng người (hoặc của từng bộ phận trực thuộc).

+ Chi khen thưởng và phúc lợi.

+ Lập quỹ dự phòng ổn định thu nhập: trong trường hợp xét thấy khả năng kinh phí tiết kiệm không ổn định, cơ quan có thể trích một phần số tiết kiệm được để lập quỹ dự phòng ổn định thu nhập.

Thủ trưởng cơ quan thực hiện chế độ tự chủ quyết định việc sử dụng kinh phí tiết kiệm theo các nội dung nêu trên sau khi thống nhất với tổ chức công đoàn và công khai trong toàn cơ quan.

4. Quản lý tài chính trong các đơn vị sự nghiệp

a) Quản lý ngân sách các đơn vị sự nghiệp

Quản lý ngân sách các đơn vị sự nghiệp bao gồm các nội dung sau:

- Lập dự toán thu, chi ngân sách nhà nước trong phạm vi được cấp thẩm quyền giao hàng năm.

- Tổ chức chấp hành dự toán thu, chi tài chính hàng năm theo chế độ chính sách của Nhà nước; chủ trì hoặc phối hợp với các ngành hữu quan xây dựng các chế độ chi tiêu đặc thù của đơn vị theo sự ủy quyền của cơ quan có thẩm quyền.

- Quản lý sử dụng tài sản Nhà nước giao cho đơn vị.

- Chấp hành chế độ kế toán thống kê theo pháp luật.

- Lập báo cáo quyết toán thu chi tài chính quý và năm về tình hình sử dụng các nguồn tài chính của đơn vị theo Luật Ngân sách nhà nước.

Quản lý tài chính trong các đơn vị sự nghiệp gồm các nội dung thu và nội dung chi.

**** Nội dung thu:***

- Thu từ ngân sách nhà nước: nguồn đảm bảo chi hành chính, sự nghiệp bao gồm: ngân sách trung ương và ngân sách địa phương.

- Nguồn thu sự nghiệp dưới các hình thức: Thu phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước; thu từ hoạt động sản xuất, cung ứng dịch vụ; các nguồn thu khác theo quy định của pháp luật như: viện trợ, vay (kể cả ODA), kinh phí ủng hộ của các cá nhân và tổ chức theo quy định của pháp luật.

**** Nội dung chi:***

- Chi hoạt động thường xuyên của đơn vị sự nghiệp, bao gồm:

+ Chi cho con người: tiền lương, tiền công, phụ cấp lương, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, phúc lợi tập thể, tiền thưởng...

+ Chi quản lý hành chính: vật tư văn phòng, dịch vụ công cộng, thông tin liên lạc, điện nước, công tác phí, hội nghị phí...

+ Chi hoạt động nghiệp vụ như: chi thuốc, dịch truyền của ngành y tế, chi biên soạn giáo trình, tài liệu học tập của ngành giáo dục - đào tạo,... chi cho vận động viên, huấn luyện viên của ngành thể dục thể thao...

+ Chi mua sắm tài sản, sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng thường xuyên cơ sở vật chất, nhà cửa, máy móc thiết bị...

+ Chi thường xuyên khác.

- Chi thường xuyên của các đơn vị sự nghiệp có thu, ngoài các khoản chi trên đây có thêm 2 khoản chi sau:

+ Chi tổ chức thu phí và lệ phí.

+ Chi hoạt động sản xuất, cung ứng dịch vụ, kể cả chi nộp thuế, trích khấu hao tài sản cố định (nếu có).

Chi hoạt động không thường xuyên của đơn vị, bao gồm:

- Chi thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học.

- Chi chương trình, mục tiêu quốc gia, chi dự án do cấp thẩm quyền giao.

- Chi thực hiện tinh giản biên chế theo chủ trương của Nhà nước.

- Chi đầu tư phát triển gồm: Chi đầu tư xây dựng cơ sở vật chất; mua sắm trang thiết bị, sửa chữa lớn tài sản cố định theo dự toán được giao.

- Các khoản chi không thường xuyên khác như: chi vốn đối ứng dự án từ ngân sách nhà nước...

b) Đổi mới cơ chế quản lý tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp

Cơ chế quản lý tài chính theo chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm được triển khai rộng rãi đối với tất cả các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của Chính phủ. Mục tiêu đổi mới cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp là:

- Trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho đơn vị sự nghiệp trong việc tổ chức công việc, sắp xếp lại bộ máy, sử dụng lao động và nguồn lực tài chính để hoàn thành nhiệm vụ được giao; phát huy mọi khả năng của đơn vị để cung

cấp dịch vụ với chất lượng cao cho xã hội, tăng nguồn thu nhằm từng bước giải quyết thu nhập cho người lao động.

- Thực hiện chủ trương xã hội hóa trong việc cung cấp dịch vụ cho xã hội, huy động đóng góp của cộng đồng xã hội phát triển các hoạt động sự nghiệp, từng bước giảm dần bao cấp từ ngân sách nhà nước.

Thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với đơn vị sự nghiệp, Nhà nước vẫn quan tâm đầu tư để hoạt động sự nghiệp ngày càng phát triển, bảo đảm cho các đối tượng chính sách xã hội, đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn được cung cấp dịch vụ theo quy định ngày càng tốt hơn.

Nội dung thực hiện quyền tự chủ về tài chính:

- Đối với đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm toàn bộ hoặc một phần kinh phí:
- Tự chủ về các khoản thu và mức thu.
- Tự chủ về sử dụng nguồn tài chính.

Thủ trưởng đơn vị được quyết định một số mức chi quản lý, chi hoạt động nghiệp vụ cao hoặc thấp hơn mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

Căn cứ tính chất công việc, Thủ trưởng đơn vị quyết định phương thức khoán chi phí cho từng bộ phận, đơn vị trực thuộc. Quyết định đầu tư xây dựng, mua sắm mới và sửa chữa lớn tài sản thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Sử dụng kết quả hoạt động tài chính trong năm. Hàng năm, sau khi trang trải các khoản chi phí, nộp thuế và các khoản nộp khác theo quy định, phần chênh lệch thu lớn hơn chi nếu có, đơn vị được sử dụng.

- Tự chủ về chi trả thu nhập tăng thêm.

Nhà nước khuyến khích đơn vị sự nghiệp tăng thu, tiết kiệm chi, thực hiện tinh giản biên chế, tăng thêm thu nhập cho người lao động trên cơ sở hoàn thành nhiệm vụ được giao, sau khi thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.

Đối với đơn vị do ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ kinh phí hoạt động:

- Tự chủ về khoản thu, mức thu.
- Tự chủ về sử dụng nguồn tài chính.
- Tự chủ về chi trả thu nhập tăng thêm.
- Tự chủ về sử dụng kinh phí tiết kiệm được.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Hãy phân tích ưu điểm và nhược điểm của kinh tế thị trường? Cho ví dụ về những nhược điểm của kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay. Theo anh/chị, Nhà nước cần có những biện pháp gì để khắc phục những nhược điểm đó?

2. Anh/Chị hãy trình bày sự cần thiết khách quan của quản lý nhà nước đối với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa? Lấy ví dụ minh họa vai trò quản lý kinh tế của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường ở nước ta?

3. Anh/Chị hãy trình bày một số chính sách quản lý kinh tế của Nhà nước? Để thực hiện tốt các chính sách này Nhà nước cần phải làm gì?

4. Anh/Chị hãy trình bày khái niệm, chức năng, vai trò của tài chính công?

5. Anh/Chị hãy trình bày nội dung quản lý tài chính trong các cơ quan hành chính và các đơn vị sự nghiệp? Đổi mới cơ chế quản lý tài chính trong các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp cần phải làm gì?

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI. NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội 2011.

2. Học viện Hành chính. Giáo trình Quản lý nhà nước trên các lĩnh vực kinh tế (dùng cho Đại học Hành chính). NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội 2011.

3. Trường Đại học Tài chính Kế toán, Quản lý tài chính nhà nước, NXB Tài chính, Hà Nội 2004.

4. PGS.TS. Trần Đình Ty, Quản lý tài chính công. NXB Lao động, Hà Nội 2003.

5. Bộ Tài chính. Đổi mới cơ chế quản lý tài chính đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp. NXB Tài chính, Hà Nội 2003.